**Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT**

**Câu 1**: Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, trong xã hội cộng sản nguyên thủy, quy phạm điều chỉnh quan hệ xã hội giữa các thành viên là:

1. Quy phạm đạo đức.
2. Quy phạm kỹ thuật.
3. Quy phạm pháp luật.
4. Quy phạm văn hóa.

**Câu 2**: Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, trong xã hội cộng sản nguyên thủy, quy tắc xử sự là những:

1. Tập quán và tín điều tôn giáo.
2. Tập quán pháp.
3. Tiền lệ pháp.
4. Văn bản quy phạm pháp luật.

**Câu 3**: Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, trong xã hội cộng sản nguyên thủy, các tín điều tôn giáo đã hình thành trong điều kiện:

1. Xã hội phân chia thành giai cấp.
2. Xã hội xuất hiện hình thức sở hữu tư hữu đối với tư liệu sản xuất.
3. Bất lực của con người trước sức mạnh tuyệt đối của thiên nhiên.
4. Con người khắc phục được những khắc nghiệt của thiên nhiên.

**Câu 4**: Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, các tín điều tôn giáo, các tập quán được hình thành đầu tiên trong:

1. Xã hội phong kiến.
2. Xã hội tư bản.
3. Xã hội cộng sản nguyên thủy.
4. Xã hội chủ nghĩa.

**Câu 5:**  Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, các tín điều tôn giáo, các tập quán trong xã hội cộng sản nguyên thủy thể hiện ý chí của:

1. Nhà nước
2. Giai cấp thống trị
3. Toàn thể thị tộc, bộ lạc.
4. Giai cấp bị trị

**Câu** **6**: Các tín điều tôn giáo, các tập quán trong xã hội cộng sản nguyên thủy được thực hiện:

1. Một cách tự nguyện
2. Một cách cưỡng chế
3. Không tự giác
4. Nhà nước bắt buộc thực hiện

**Câu 7:**  Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, pháp luật chỉ có thể hình thành bằng con đường:

1. Nhà nước
2. Chính trị
3. Pháp lý
4. Cá nhân

**Câu 8:**  Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin “Pháp luật do nhà nước ban hành”. Đây là nhận định:

1. Đúng, vì pháp luật không do nhà nước thừa nhận.
2. Sai, vì pháp luật không do nhà nước ban hành.
3. Đúng, vì nhà nước là chủ thể ban hành pháp luật.
4. Sai, vì nhà nước còn thừa nhận các quy phạm xã hội đang tồn tại.

**Câu** **9**: Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin thì “Pháp luật chỉ có thể hình thành bằng con đường nhà nước”. Đây là nhận định:

1. Đúng, vì xét về phương diện chủ quan, pháp luật chỉ có thể hình thành bằng con đường nhà nước theo hai cách: do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận.
2. Sai, vì xét về phương diện chủ quan pháp luật chỉ có thể hình thành bằng con đường nhà nước theo hai cách: do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận.
3. Sai, vì xét về phương diện khách quan.
4. Đúng, vì xét về phương diện chủ quan.

**Câu 10:** Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, bản chất của pháp luật là:

1. Vừa mang tính xã hội và tính dân tộc
2. Vừa mang tính nhà nước và tính giai cấp
3. Vừa mang tính nhà nước và tính xã hội
4. Vừa mang tính giai cấp và tính xã hội

**Câu 11:**  Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, pháp luật mang tính giai cấp, vì:

1. Pháp luật không mang tính dân chủ.
2. Pháp luật không mang tính xã hội.
3. Pháp luật là công cụ quản lý xã hội.
4. Pháp luật là công cụ cai trị giai cấp.

**Câu 12:** Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, mục đích điều chỉnh của pháp luật nhằm:

1. Điều chỉnh các quan hệ xã hội phát triển theo một trật tự phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị.
2. Điều chỉnh các quan hệ xã hội phát triển theo một trật tự phù hợp với lợi ích của giai cấp bị trị.
3. Điều chỉnh trật tự xã hội.
4. Điều chỉnh quy phạm pháp luật.

**Câu 13:** Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, pháp luật mang tính xã hội vì:

1. Pháp luật không phải là công cụ quản lý xã hội.
2. Pháp luật là công cụ quản lý xã hội.
3. Pháp luật được hình thành do ý chí của pháp nhân.
4. Pháp luật là công cụ cai trị giai cấp.

**Câu 14:**  Chọn nhận định đúng theo quan điểm trong giáo trình:

* 1. Pháp luật vừa mang tính giai cấp vừa mang tính xã hội
  2. Pháp luật chỉ mang tính giai cấp
  3. Pháp luật chỉ mang tính xã hội
  4. Pháp luật phi giai cấp

**Câu 15:**  Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, chọn nhận định sai:

* + - * 1. Pháp luật do cá nhân ban hành
        2. Pháp luật do nhà nước ban hành
        3. Pháp luật được nhà nước đảm bảo giá trị thi hành
        4. Pháp luật có tính quy phạm phổ biến

**Câu 16:**  Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, pháp luật chỉ do ……… ban hành:

Xã hội

Pháp nhân

Cá nhân

Nhà nước

**Câu 17:**  Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, pháp luật được đảm bảo giá trị thi hành bằng biện pháp ……… của nhà nước

* 1. Cưỡng chế
  2. Kinh tế
  3. Xã hội
  4. Tư tưởng

**Câu 18:**  “Pháp luật chỉ mang tính giai cấp”. Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, đây là nhận định:

1. Sai, vì xét về bản chất thì pháp luật vừa mang tính giai cấp vừa mang tính xã hội.
2. Đúng, vì xét về bản chất thì pháp luật vừa mang tính giai cấp vừa mang tính xã hội.
3. Sai, vì pháp luật mang tính xã hội.
4. Đúng, vì pháp luật mang tính giai cấp.

**Câu 19:**  Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin thì “……….. là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội”.

1. Văn bản áp dụng pháp luật.
2. Văn bản quy phạm pháp luật.
3. Pháp luật.
4. Quy phạm pháp luật.

**Câu 20:**  Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, “Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do …………ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp ……………trong xã hội, là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội”

1. Nhà nước – thống trị.
2. Nhà nước – bị thống trị.
3. Pháp nhân – thống trị.
4. Pháp nhân – bị thống trị.

**Câu 21:** Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, “Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, là nhân tố điều chỉnh các…………..”.

1. Quan hệ pháp luật.
2. Quan hệ xã hội.
3. Quy phạm pháp luật.
4. Quy phạm xã hội.

**Câu 22:**  Pháp luật có mối liên hệ qua lại với các hiện tượng xã hội nào sau đây:

1. Quy phạm pháp luật.
2. Kinh tế, với chính trị, với nhà nước, với các quy phạm xã hội khác.
3. Cưỡng chế nhà nước.
4. Các quan hệ pháp luật.

**Câu 23:**  “………… là những quy tắc xử sự của con người, dùng để điều chỉnh mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội, là tiêu chuẩn để đánh giá hành vi xử sự của con người”.

1. Quy phạm đạo đức
2. Quy phạm pháp luật
3. Quy phạm xã hội
4. Quy phạm chính trị

**Câu 24:**  “……..là những quy tắc xử sự của con người được hình thành từ các quan điểm, quan niệm của con người về điều thiện, điều ác, điều tốt, điều xấu trong xã hội”.

1. Quy phạm xã hội
2. Quy phạm đạo đức
3. Quy phạm tập quán
4. Quy phạm tôn giáo

**Câu 25:**  “………….. là quy tắc xử sự chung của những người ở trong một địa phương hay một vùng nhất định. Nó được hình thành từ những thói quen, từ những phong tục của mỗi địa phương”.

1. Quy phạm tôn giáo
2. Quy phạm xã hội
3. Quy phạm đạo đức
4. Quy phạm tập quán

**Câu 26:** “……….là quy tắc xử sự của những người theo một tôn giáo hoặc một tín ngưỡng nào đó và chỉ những người trong tôn giáo đó, trong tín ngưỡng đó phải tuân theo mà thôi”.

1. Quy phạm tôn giáo
2. Quy phạm xã hội
3. Quy phạm pháp luật
4. Quy phạm đạo đức

**Câu 27:**  “Chỉ có pháp luật mới có tính bắt buộc”. Đây là nhận định:

1. Đúng, vì pháp luật do nhà nước ban hành.
2. Sai, vì pháp luật do nhà nước thừa nhận.
3. Sai, vì có quy phạm tôn giáo cũng có tính bắt buộc.
4. Đúng, vì các quy phạm xã hội khác cũng có tính bắt buộc.

**Câu 28:** Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin,“các quy phạm đạo đức, tôn giáo không mang tính giai cấp”. Đây là nhận định:

1. Sai, vì trong xã hội có nhiều giai cấp khác nhau nên có nhiều quan điểm khác nhau về đạo đức, về tôn giáo và đó chính là tính giai cấp.
2. Đúng, vì trong xã hội có nhiều giai cấp khác nhau nên có nhiều quan điểm khác nhau về đạo đức, về tôn giáo.
3. Sai, vì các quy phạm đạo đức, tôn giáo được nhà nước thừa nhận.
4. Đúng, vì các quy phạm đạo đức, tôn giáo được nhà nước thừa nhận.

**Câu 29:** Thuộc tính của pháp luật gồm:

1. Không mang tính quy phạm phổ biến.
2. Không mang tính xác định chặt chẽ về hình thức.
3. Tính được đảm bảo giá trị thi hành.
4. Tính quy phạm phổ biến, tính xác định chặt chẽ về hình thức, tính được nhà nước đảm bảo giá trị thi hành.

**Câu 30:** Đâu là thuộc tính đặc trưng của pháp luật:

1. Tính giai cấp.
2. Tính xã hội.
3. Tính quy phạm.
4. Tính bắt buộc chung.

**Câu 31:**  Đâu là thuộc tính đặc trưng của pháp luật:

1. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
2. Tính không bắt buộc.
3. Tính xã hội.
4. Tính bắt buộc.

**Câu 32:** Đâu là thuộc tính đặc trưng của pháp luật:

1. Tính bắt buộc.
2. Tính được nhà nước đảm bảo giá trị thi hành.
3. Tính xã hội.
4. Tính giai cấp.

**Câu 33:** Đây không phải là thuộc tính đặc trưng của pháp luật:

1. Tính quy phạm phổ biến.
2. Tính được nhà nước đảm bảo giá trị thi hành.
3. Tính bắt buộc.
4. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

**Câu 34:** Tính quy phạm phổ biến của pháp luật được hiểu là:

1. Khuôn mẫu.
2. Chuẩn mực.
3. Ngôn ngữ phải chính xác, hiểu một nghĩa
4. Khuôn mẫu, chuẩn mực cho hành vi.

**Câu 35:** Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức của pháp luật được hiểu là:

1. Là tiêu chuẩn để đánh giá hành vi.
2. Ngôn ngữ.
3. Nội dung của pháp luật phải được thể hiện trong những hình thức xác định, sử dụng ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác, một nghĩa, có khả năng áp dụng trực tiếp.
4. Được thể hiện trong những hình thức.

**Câu 36:** Tính quy phạm phổ biến của pháp luật xuất phát từ nguyên nhân:

1. Pháp luật mang tính phi giai cấp.
2. Pháp luật không bắt buộc ban hành theo trình tự.
3. Pháp luật thể hiện ý chí, quyền lực của nhân dân.
4. Pháp luật không bắt buộc sử dụng ngôn ngữ pháp lý.

**Câu 37:** Tính được nhà nước đảm bảo giá trị thi hành của pháp luật được hiểu là:

1. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật là quyền hạn và trách nhiệm của nhà nước.
2. Chuẩn mực cho hành vi.
3. Để hạn chế sự lạm dụng quyền lực nhà nước.
4. Tính minh bạch của pháp luật.

**Câu 38:** Khả năng tổ chức thực hiện pháp luật của nhà nước, bằng biện pháp:

1. Đảm bảo về xã hội.
2. Đảm bảo về văn hóa.
3. Đảm bảo bằng biện pháp nhà nước.
4. Đảm bảo về kinh tế, về tư tưởng, bằng biện pháp cưỡng chế nhà nước.

**Câu 39:** Trong tổ chức thực hiện pháp luật của nhà nước, biện pháp nào được xem là đặc trưng điển hình nhất:

1. Biện pháp kinh tế.
2. Biện pháp tư tưởng.
3. Biện pháp chính trị
4. Biện pháp cưỡng chế nhà nước.

**Câu 40:** Pháp luật được nhà nước đảm bảo giá trị thi hành, vì:

1. Pháp luật là công cụ quản lý xã hội, là sự thể hiện ý chí và quyền lực của nhân dân.
2. Pháp luật là công cụ quản lý xã hội.
3. Pháp luật là công cụ của giai cấp thống trị.
4. Pháp luật có tính bắt buộc chung.

**Câu 41:** Tính được nhà nước đảm bảo giá trị thi hành của pháp luật dẫn đến:

1. Tính minh bạch.
2. Tính phi giai cấp.
3. Tính không chuẩn xác.
4. Tính tiên liệu.

**Câu 42:** Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, yếu tố nào quan trọng nhất trong việc bảo đảm cho pháp luật được thực hiện trên thực tế:

1. Tính tiên liệu.
2. Tính ổn định.
3. Tính quyền lực nhà nước.
4. Tính chuẩn mực.

**Câu 43:** Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, nhận định nào sau đây sai:

1. Chỉ có pháp luật mới được đảm bảo bằng biện pháp cưỡng chế nhà nước.
2. Chỉ có pháp luật mới có tính quy phạm.
3. Pháp luật có tính phổ biến.
4. Chỉ có pháp luật mới có tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

**Câu 44:** Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, “….là những phương diện, mặt tác động chủ yếu của pháp luật, thể hiện bản chất và giá trị xã hội của pháp luật”.

1. Pháp luật.
2. Nhà nước.
3. Chức năng pháp luật.
4. Chức năng nhà nước.

**Câu 45:** Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, “……..là cách thức thể hiện ý chí và phương thức tồn tại, dạng tồn tại của pháp luật”.

1. Hình thức nhà nước.
2. Hình thức pháp luật.
3. Hình thức cấu trúc nhà nước.
4. Hình thức chính thể.

**Câu 46:** Theo quan điểm của các nhà luật học Việt Nam, pháp luật có mấy hình thức cơ bản:

1. Một.
2. Hai.
3. Ba.
4. Bốn.

**Câu 47:** Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin “…….là hình thức nhà nước thừa nhận một số tập quán đã lưu truyền trong xã hội, phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị và nâng chúng lên thành pháp luật”. Đây là khái niệm:

1. Tiền lệ pháp.
2. Văn bản quy phạm pháp luật.
3. Tập quán pháp.
4. Quy phạm pháp luật.

**Câu 48:** Nội dung nào sau đây là ưu điểm của tập quán pháp:

1. Không có tính ổn định lâu bền.
2. Không có giá trị thực hiện một cách tự nguyện.
3. Không thích hợp cho tất cả các vùng miền.
4. Có tính ổn định lâu bền, có giá trị thực hiện một cách tự nguyện.

**Câu 49:**  Nội dung nào sau đây là ưu điểm của tập quán pháp:

1. Đa dạng theo từng khu vực, nhóm cư dân.
2. Mang tính cục bộ.
3. Khó thay đổi.
4. Dễ thay đổi.

**Câu 50:** Nội dung nào sau đây là nhược điểm của tập quán pháp:

1. Không mang tính cục bộ.
2. Dễ hòa nhập cùng với sự thay đổi của pháp luật.
3. Thực hiện một cách tự nguyện tự giác.
4. Mang tính cục bộ, khó hòa nhập cùng với sự thay đổi của pháp luật.

**Câu 51:** “ Nhà nước thừa nhận các quyết định của cơ quan hành chính hoặc xét xử đã có hiệu lực pháp luật và lấy đó làm căn cứ pháp lý để áp dụng cho các vụ việc cùng tính chất xảy ra sau này trong trường hợp pháp luật không quy định hoặc quy định không rõ”. Đây là khái niệm:

1. Tập quán pháp
2. Tiền lệ pháp
3. Văn bản quy phạm pháp luật
4. Quy phạm pháp luật

**Câu 52:** Nội dung nào sau đây là ưu điểm của tiền lệ pháp:

1. Có tính ổn định và liên tục.
2. Đa dạng theo từng khu vực.
3. Có giá trị thực hiện tự nguyện.
4. Dễ thay đổi.

**Câu 53:** Nội dung nào sau đây là ưu điểm của tiền lệ pháp:

1. Có tính lâu bền.
2. Đáp ứng nhu cầu áp dụng pháp luật thực tế.
3. Có tính thống nhất cao.
4. Thể hiện ý chí của đa số nhân dân.

**Câu 54:** Nội dung nào sau đây là ưu điểm của tiền lệ pháp:

1. Có tính định hướng.
2. Có tính thực tiễn cao.
3. Linh hoạt trong áp dụng pháp luật.
4. Khó thay đổi.

**Câu 55:** Nội dung nào sau đây là nhược điểm của tiền lệ pháp:

1. Không thích hợp cho tất cả các vùng miền.
2. Không có thể hiện ý chí của đa số nhân dân.
3. Không có tính ổn định.
4. Tùy tiện trong áp dụng pháp luật.

**Câu 56:** Nội dung nào sau đây là nhược điểm của tiền lệ pháp:

1. Tính khái quát không cao.
2. Không có tính linh hoạt.
3. Không có tính ổn định.
4. Không có tính liên tục.

**Câu 57:** Nội dung nào sau đây không phải là nhược điểm của tiền lệ pháp:

1. Tùy tiện trong áp dụng pháp luật.
2. Tính khái quát không cao.
3. Không linh hoạt trong áp dụng pháp luật.
4. Tính trừu tượng.

**Câu 58:** Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, “…………là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thủ tục trình tự luật định, trong đó có quy tắc xử sự chung, được nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội để thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của nhà nước”. Đây là khái niệm:

1. Quy phạm pháp luật
2. Quy phạm xã hội
3. Văn bản quy phạm pháp luật
4. Tiền lệ pháp

**Câu 59:** Nội dung nào sau đây là ưu điểm của văn bản quy phạm pháp luật:

1. Linh hoạt trong áp dụng pháp luật.
2. Có giá trị thực hiện một cách tự nguyện.
3. Đa dạng theo từng nhóm dân cư.
4. Thể hiện ý chí của đa số nhân dân.

**Câu 60:** Nội dung nào sau đây là ưu điểm của văn bản quy phạm pháp luật:

1. Có tính thống nhất cao.
2. Có tính linh hoạt trong áp dụng pháp luật.
3. Có tính lâu bền.
4. Tính trừu tượng.

**Câu 61:** Nội dung nào sau đây là ưu điểm của văn bản quy phạm pháp luật:

1. Có tính lâu bền.
2. Có tính định hướng.
3. Có tính đa dạng theo từng khu vực.
4. Khó áp dụng trên thực tế.

**Câu 62:** Hình thức pháp luật nào sau đây được thừa nhận là nguồn luật chính thức ở Việt Nam:

1. Tập quán pháp và Quy phạm pháp luật.
2. Tập quán pháp.
3. Quy phạm pháp luật.
4. Văn bản quy phạm pháp luật.

**Câu 63:** Ở Việt Nam, hệ thống pháp luật Việt Nam thuộc hệ thống:

1. Pháp luật Anh Mỹ
2. Pháp luật Châu Âu
3. Pháp luật Xã hội chủ nghĩa
4. Pháp luật Hồi Giáo

**Câu 64:** Thực tế ở Việt Nam, nguồn luật tập quán pháp:

1. Không được thừa nhận.
2. Không được sử dụng.
3. Có thể được thừa nhận.
4. Được thừa nhận và sử dụng.

Câu 65. Chức năng nào sau đây **không** **phải** là chức năng của pháp luật?

a. Chức năng điều chỉnh quan hệ xã hội

b. Chức năng xây dựng và bảo vệ tổ quốc

c. Chức năng bảo vệ quan hệ xã hội

d. Chức năng giáo dục

Câu 66. Thuộc tính nào sau đây là thuộc tính của pháp luật?

1. Có chủ quyền quốc gia
2. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
3. Tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt
4. Cả A, B và C đều đúng

Câu 67. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:

1. Công dân chỉ được làm những gì pháp luật cho phép, còn cơ quan công quyền được làm những gì pháp luật không cấm.
2. Công dân được làm những gì pháp luật không cấm, còn cơ quan công quyền chỉ được làm những gì pháp luật cho phép.
3. Công dân được làm những gì pháp luật không cấm, cơ quan công quyền được làm những gì pháp luật cho không cấm.
4. Công dân chỉ được làm những gì pháp luật cho phép, cơ quan công quyền chỉ được làm những gì pháp luật cho phép.

Câu 68. Chức năng nào sau đây là chức năng của pháp luật?

1. Chức năng lập hiến và lập pháp
2. Chức năng giám sát tối cao
3. Chức năng điều chỉnh quan hệ xã hội
4. Cả A, B và C đều đúng

Câu 69. Tính quy phạm phổ biến (tính bắt buộc chung) là thuộc tính của quy phạm xã hội nào sau đây?

1. Quy phạm tôn giáo
2. Quy phạm đạo đức
3. Quy phạm tập quán
4. Cả A, B và C đều sai

Câu 70. Loại quy phạm nào sau đây có chức năng điều chỉnh quan hệ xã hội?

1. Quy phạm pháp luật, quy phạm đạo đức
2. Quy phạm pháp luật, quy phạm tôn giáo
3. Quy phạm tập quán, quy phạm của tổ chức xã hội
4. Cả A, B và C đều đúng

Câu 71. Các thuộc tính của pháp luật:

1. Tính bắt buộc chung; tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức; tính được đảm bảo thực hiện bởi nhà nước
2. Tính bắt buộc chung; tính điều chỉnh các quan hệ xã hội; tính được đảm bảo thực hiện bởi nhà nước
3. Tính chủ quyền quốc gia; tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức; tính được đảm bảo thực hiện bởi nhà nước.
4. Tính bắt buộc chung; tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức; tính giáo dục hành vi con người

Câu 72. Thuộc tính của pháp luật:

1. Tính bắt buộc chung (tính quy phạm phổ biến)
2. Tính bảo vệ các quan hệ xã hội
3. Tính giám sát tối cao
4. Cả A, B và C đều sai

Câu 73. Trong mối quan hệ giữa pháp luật và chính trị, phát biểu nào sau đây là **sai?**

1. Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế thông qua pháp luật
2. Pháp luật là công cụ, phương tiện đưa chính trị vào cuộc sống.
3. Đường lối chính trị của các đảng chính trị, đảng cầm quyền được thể hiện trong pháp luật.
4. Trong nhà nước hiện đại khi vai trò của pháp luật được đề cao thì pháp luật lại được giới hạn trong khuôn khổ chính trị.

Câu 74. Trong mối quan hệ giữa pháp luật và nhà nước, phát biểu nào sau đây là **sai**?

1. Pháp luật là công cụ đặc biệt quan trọng để nhà nước điều chỉnh các quan hệ xã hội, hướng chúng phát triển phù hợp với ý chí nhà nước.
2. Các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, nhưng quan trọng nhất là hình thức pháp lý.
3. Pháp luật do nhà nước đặt ra nên pháp luật phải hoạt động trong khuôn khổ của nhà nước, phục tùng mệnh lệnh và ý chí của nhà nước.
4. Pháp luật chỉ có thể được thực hiện trong đời sống khi có sự đảm bảo của nhà nước.

Câu 75. Trong mối quan hệ giữa pháp luật và các quy phạm xã hội khác, phát biểu nào sau đây là **sai**?

1. Các quy phạm xã hội đều có vai trò điều chỉnh hành vi con người, trong đó vai trò của quy phạm pháp luật là quan trọng nhất.
2. Pháp luật tác động mạnh mẽ tới các quy phạm xã hội khác.
3. Những quy tắc đạo đức, tập quán quan trọng, tốt đẹp, có giá trị chung đa phần có thể được ban hành thành những quy phạm pháp luật.
4. Các quy phạm xã hội khác không phải do nhà nước ban hành nên có thể trái với pháp luật.

Câu 76. Pháp luật là phương tiện để:

1. Bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân
2. Nhà nước sử dụng làm công cụ chủ yếu quản lý mọi mặt đời sống xã hội
3. Hoàn thiện bộ máy nhà nước và tạo lập mối quan hệ ngoại giao
4. Cả A, B và C đều đúng

Câu 77. Khi nghiên cứu về mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức, khẳng định nào sau đây là **sai**?

1. Pháp luật và đạo đức đều là những hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng.
2. Pháp luật và đạo đức đều được hình thành từ thực tiễn đời sống xã hội.
3. Pháp luật và đạo đức đều được nhà nước sử dụng để điều chỉnh tất cả các quan hệ phát sinh trong đời sống xã hội.
4. Pháp luật và đạo đức đều là những quy phạm có vai trò điều chỉnh đối với hành vi xử sự của con người trong xã hội.

Câu 78. Trong mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, khẳng định nào là đúng?

1. Pháp luật và kinh tế đều là hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng.
2. Pháp luật giữ vai trò chủ đạo, quyết định đối với kinh tế.
3. Pháp luật vừa chịu sự tác động, chi phối của kinh tế, đồng thời lại vừa có sự tác động mạnh mẽ đến kinh tế.
4. Pháp luật và kinh tế có nhiều nét tương đồng với nhau.

Câu 79. Sự tồn tại của pháp luật là:

1. Do nhu cầu quản lý xã hội của nhà nước.
2. Một hiện tượng tất yếu, bất biến trong đời sống xã hội của loài người.
3. Do ý chí chủ quan của giai cấp thống trị.
4. Yêu cầu khách quan của một xã hội có giai cấp.

Câu 80. Khẳng định nào sau đây là đúng?

1. Mọi chuẩn mực đạo đức sẽ được nhà nước cụ thể hóa thành pháp luật.
2. Mọi hành vi phù hợp với pháp luật thì phù hợp với đạo đức.
3. Mọi hành vi phù hợp với đạo đức thì chưa chắc phù hợp với pháp luật.
4. Mọi hành vi phù hợp với đạo đức thì phù hợp với pháp luật.